

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST.

Ngày: 17-4-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Trần Văn Hồng

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2019/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST – KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: đường K, phường B, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đ** - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Huỳnh H** – Giám đốc Trung tâm Trưởng phòng xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà **Diệp N**, sinh năm 1988, theo văn bản ủy quyền số 525/2019/UD-HDBANK-GĐ.TTXMLN ngày 23/12/2019 (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: đường T, phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Bà **Phan C**, sinh năm 1968 (Có mặt)

2. Ông **Phạm S**, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp E, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Diệp N trình bày:*

Ngày 17/5/2018 bà Phan C, ông Phạm S có vay của Ngân hàng A số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0194/18/HĐTDHM-CN/207 và được giải ngân ngày 18/5/2018. Thỏa thuận cụ thể như sau thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi; Lãi suất thỏa thuận là 06 tháng đầu tiên 11%/năm, lãi suất này được cố định trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Kể từ tháng thứ 7, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/01 lần, theo công thức sau: Lãi suất vay = Lãi suất LS13 + 5,0%/năm; lãi suất chậm trả lãi 10%/năm và có thể được ngân hàng A điều chỉnh theo quy định của ngân hàng A trên cơ sở phù hợp với quy định của ngân hàng nhà nước (NHNN) trong từng kỳ; thời hạn trả hết nợ vay là ngày 18/5/2019 (nếu ngày trả rơi vào thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ sẽ dời vào ngày làm việc tiếp theo). Trong quá trình giao dịch thì bà C, ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Đáng lẽ ngày 18/5/2019 là đến hạn trả nợ nhưng rơi vào ngày thứ bảy nên phía ngân hàng dời lại ngày làm việc tiếp theo cho khách hàng là ngày 20/5/2019. Nhưng ngày 20/5/2019 là ngày trả kỳ lãi cuối cùng của hợp đồng tín dụng nhưng vợ chồng bà C, ông S không trả lãi cũng như không trả vốn gốc cho ngân hàng. Do đó để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thương lượng nhưng bà C, ông S vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Số tiền mà bà Phan C, ông Phạm S còn nợ Ngân hàng A tính đến ngày 17/4/2020 là 360.966.799 đồng, trong đó vốn gốc là 299.999.979 đồng, lãi trong hạn là 9.217.903 đồng và lãi quá hạn là 51.748.917 đồng. Đồng thời theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0072/18/HĐBĐ-207 ngày 17/5/2018, bà Phan C, ông Phạm S đã dùng tài sản của mình để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng A như sau: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 27.618,4 m², tại thửa đất số 895, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại ấp E, xã L, thị xã N, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 504981 do UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp ngày 16/12/2016.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện ngân hàng A bà Diệp N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan C, ông Phạm S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền là 360.966.799 đồng, trong đó vốn gốc là 299.999.979 đồng, lãi trong hạn là 9.217.903 đồng và lãi quá hạn là 51.748.917 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 18/4/2020 cho đến khi bà C, ông S trả hết nợ vay. Trường hợp bà C, ông S không trả nợ cho Ngân hàng yêu cầu xử lý, kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định.

** Bị đơn bà Phan C trình bày:*

Bà thống nhất vợ chồng bà có vay tiền của Ngân hàng A số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng lập ngày 17/5/2018 mà bà Diệp N đã trình bày. Vợ chồng bà vay tiền của ngân hàng về sử dụng đúng mục đích. Do điều kiện kinh tế quá khó khăn nên vợ chồng bà đóng lãi cho ngân hàng được một thời gian thì ngưng đóng lãi. Vợ chồng bà còn kỳ lãi cuối từ ngày

18/02/2019 đến ngày 20/5/2019 là chưa đóng lãi cho phía ngân hàng. Và khi đến hạn trả nợ gốc là ngày 18/5/2019 (ngân hàng dời đến ngày làm việc là ngày 20/5/2019) thì vợ chồng bà cũng không có khả năng trả nợ gốc và lãi cho phía ngân hàng. Bà thống nhất đến nay vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng A vốn gốc là 299.999.979 đồng, lãi trong hạn là 9.217.903 đồng và lãi quá hạn là 51.748.917 đồng. Đồng thời hiện nay vợ chồng bà vẫn chưa có điều kiện và kế hoạch trả tiền cho Ngân hàng, vợ chồng bà đang kêu bán đất để có tiền trả cho Ngân hàng, khi nào bán được đất bà sẽ thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng. Trường hợp đến khi bản án có hiệu lực pháp luật mà vợ chồng bà vẫn chưa có khả năng thanh toán cho ngân hàng thì vợ chồng bà đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp là thửa đất 895 cho Ngân hàng xử lý thu hồi nợ. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Phạm S lập ngày 18/3/2020, ông S trình bày như sau:*

Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của ngân hàng A, số tiền vay là 300.000.000 đồng. Hai bên có ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 0194/18/HĐTD-CN/207 ngày 17/5/2018. Vợ chồng ông đã nhận đủ tiền vay. Vợ chồng ông vay tiền làm vốn chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Do chăn nuôi gặp khó khăn nên vợ chồng ông đã ngưng đóng lãi và trả vốn cho Ngân hàng A. Khi đến hạn trả nợ cho ngân hàng thì vợ chồng ông không có khả năng trả nợ. Vợ chồng ông có thể chấp cho ngân hàng A thửa đất nhưng vợ chồng ông cũng đang kêu bán đất để trả nợ ngân hàng nhưng chưa bán được. Nếu Tòa án xét xử, án có hiệu lực pháp luật mà ông chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng thì ông đồng ý giao thửa đất cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thu hồi nợ cho ngân hàng. Phần đất thế chấp hiện nay do vợ chồng ông quản lý, đất dùng để trồng lúa nước.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng A và ông Phạm S, bà Phan C là trên cơ sở tự nguyện, đều hợp pháp nhưng ông S, bà C đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, không thực hiện trả nợ cho ngân hàng theo như thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A. Buộc ông S và bà C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và tiền lãi còn thiếu tính đến ngày 17/4/2020 là: vốn gốc 299.999.979 đồng, tiền lãi tổng cộng là 60.966.820 đồng và lãi phát sinh từ ngày 18/4/2020 cho đến khi ông S, bà C thanh toán dứt nợ. Trường hợp, khi án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng yêu cầu thi hành án mà ông S, bà C không trả vốn gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm S vắng mặt nhưng ông S đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại Tòa đại diện nguyên đơn, bị đơn bà C và kiểm sát viên yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt ông S. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Qua xem xét hợp đồng tín dụng hạn mức số 0194/18/HĐTD-CN/207 ngày 17/5/2018 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0194/18/HĐTDHM-CN/207/ĐNGN-KUNN/CN/01 ngày 18/5/2018, thể hiện ông Phạm S và bà Phan C có vay của Ngân hàng M số tiền 300.000.000 đồng. Thỏa thuận của hợp đồng như sau: Thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 19/5/2018 đến ngày 18/5/2019); mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn nuôi 1ha cá tạp (Bù đắp vốn tự có); phương thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ vào ngày 18/5/2019 (nếu ngày trả rơi vào thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ sẽ dời vào ngày làm việc tiếp theo); kỳ hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần vào ngày 18 của tháng, ngày trả nợ lãi đầu tiên 18/8/2018; lãi suất cho vay trong hạn 11%/năm kể từ ngày nhận tiền vay. Kể từ tháng thứ 7 về sau, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/01 lần, theo công thức sau: Lãi suất vay = Lãi suất LS13 + 5,0%/năm; lãi suất chậm trả lãi 10%/năm và có thể được ngân hàng A điều chỉnh theo quy định của ngân hàng A trên cơ sở phù hợp với quy định của NHNN trong từng kỳ. Khi thực hiện hợp đồng, ông S, bà C đã trả cho ngân hàng được tiền vốn là 21 đồng, tiền lãi theo hợp đồng nhưng từ ngày 18/02/2019 đến nay không có trả khoản tiền nào cho ngân hàng A.

[3] Xét thấy, ông Phạm S và bà Phan C đã thụ hưởng quyền lợi là nhận số tiền vay 300.000.000 đồng, nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng A theo như thỏa thuận về phương thức trả nợ quy định tại Điều 5 của hợp đồng tín dụng và điểm e mục I của đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết. Do ông S, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 20/5/2019 cho đến nay, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S, bà C thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 7 của Điều lệ của Ngân hàng A ban hành; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Số tiền ông S, bà C còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 17/4/2020 (ngày xét xử) là: tiền vốn gốc là 299.999.979 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.217.903 đồng và lãi quá hạn là 51.748.917 đồng.

[4] Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A, ông Phạm S và bà Phan C đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0072/18/HĐBĐ-207 ngày 17/5/2018, dùng tài sản của mình là: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 27.618,4 m², tại thửa đất số 895, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại ấp E, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 504981 do UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp ngày 16/12/2016 thế chấp cho Ngân hàng A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A. Xét thấy, hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp

với quy định pháp luật và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã N, đúng quy định về giao dịch bảo đảm nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong Hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Ngân hàng a yêu cầu nếu như ông S, bà C không tự nguyện trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 750.000 đồng, phía ông S, bà Phan C phải chịu. Do Ngân hàng A đã tạm ứng số tiền này nên ông S, bà C có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng A.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm S và bà Phan C phải chịu là 18.084.340 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng A không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 299 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc yêu cầu ông Phạm S và bà Phan C trả nợ vay.

Buộc ông Phạm S và bà Phan C thanh toán cho Ngân hàng A vốn gốc là 299.999.979 đồng và tiền lãi là 60.966.820 đồng, tổng cộng là 360.966.799 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn, bảy trăm chín mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 18/4/2020 cho đến khi ông Phạm S và bà Phan C thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A, thì hàng tháng ông S, bà C còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0194/18/HĐTDHM-CN/207 ngày 17/5/2018.

[2] Trường hợp ông Phạm S và bà Phan C không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng A được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 27.618,4 m², tại thửa đất số 895, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại ấp E, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 504981 do UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp ngày 16/12/2016, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 0072/18/HĐBĐ-207 ngày 17/5/2018.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định tài sản thế chấp:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm S và bà Phan C phải chịu án phí là 18.084.340 đồng (Mười tám triệu, không trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm bốn chục đồng).

Ngân hàng A không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.500.000 đồng (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002855, ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

[3.2] Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: 750.000 đồng, phía ông Phạm S, bà Phan C phải chịu. Do Ngân hàng A đã tạm ứng số tiền này nên ông S, bà C có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng A.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Thị Vàng

